TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 855/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Hải.
2. Bà Tiêu Kim Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 192/2017QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Bùi Thị Đông D, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 67 đường Đống Đ, tổ 9, phường Tây , thị xã An K, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ liên lạc: 562 đường Quang T, thị xã An K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Khánh Phi H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: 377/15 đường Cách Mạng T, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 31/8/2017 của nguyên đơn thì vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012 bà Bùi Thị Đông D và ông Huỳnh Khánh Phi H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống vợ chồng trong thời gian chung sống không hạnh phúc. Ông H thường xuyên bạo hành đối với bà D. Từ tháng 11/2013 cho đến nay bà D và ông H mỗi người sống một nơi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng rất gay gắt nên bà D khởi kiện ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà D và ông H có với nhau 01 con chung tên là Huỳnh Đại An N, sinh ngày 22/7/2011. Khi vợ chồng sống ly thân, trẻ Nam do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi vợ chồng ly hôn bà Dung yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 5, khoản 11 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị Đông D có đơn khởi kiện ly hôn với ông Huỳnh Khánh Phi H, đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh Khánh Phi H cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Khánh Phi H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng ông H không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác ông H, bà D đều vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn ông Huỳnh Khánh Phi H vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và nguyên đơn bà Bùi Thị Đông D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01 ngày 02/02/2012 của Ủy ban nhân dân phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, Hội đồng xét xử có có sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Đông D trình bày, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông H thường xuyên bạo hành đối với bà D. Mặc dù, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng vẫn rất gay gắt. Bị đơn ông Huỳnh Khánh Phi H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà, không cung cấp lời khai, tham gia hòa giải, qua đó cho thấy ông H cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ để họ chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nền tảng quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình yêu thương của hai vợ chồng. Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn từ tháng 11/2013 cho đến nay bà D và ông H mỗi người sống một nơi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục duy trì thì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Đại An N, sinh ngày 22/7/2011. Bị đơn ông H vắng mặt, không nêu yêu cầu tranh chấp việc nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà D và ông H sống ly thân thì trẻ N do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Trẻ N đã quen với môi trường sống, cũng như điều kiện chăm sóc, giáo dục của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu để bà D được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N. Bà D có việc làm và thu nhập ổn định nên không yêu cầu ông Hổ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử không cần buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H được quyền thăm và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà D là nguyên đơn khởi kiện ly hôn, nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Đông Dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Đông D được ly hôn với ông Huỳnh Khánh Phi H.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Đông D được trực tiếp nuôi trẻ Huỳnh Đại An N, sinh ngày 22/7/2011. Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Ông H được quyền thăm và chăm sóc con chung, vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Đông D khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Bùi Thị Đông D chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001594 ngày 01/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- UBND p.Tây Khê, tx. An Khê Tỉnh Gia Lai (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Hương